

**ĐỀ ÁN**

**Quy định chính sách hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân thuộc Chương trình bố trí, ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2025**

**Phần I**

**SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

Quảng Trị là một tỉnh thuần nông, kinh tế có xuất phát điểm khá thấp so với các tỉnh trong khu vực và cả nước, đời sống người dân gặp nhiều khó khăn, hạ tầng thiết yếu chưa đồng bộ, nguồn lực đầu tư hạn chế; thường xuyên bị thiên tai đe dọa, sau thiên tai năm 2020 xảy ra trên địa bàn tỉnh xuất hiện nhiều điểm sạt lở bờ sông, sạt lở núi, lũ ống, lũ quét có khả năng cao ảnh hưởng trực tiếp đến tính mạng và tài sản của nhân dân.

Sắp xếp bố trí dân cư là một trong những mục tiêu nhiệm vụ của chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phòng chống giảm nhẹ thiên tai và ổn định đời sống dân cư. Trong đó, trọng tâm là bố trí sắp xếp lại dân cư vùng thiên tai, biên giới hải đảo, đặc biệt khó khăn...Thời gian qua, tỉnh đã tập trung chỉ đạo thực hiện ban hành nhiều chính sách về đẩy mạnh công tác bố trí dân cư, trong đó có Quyết định số 37/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị quy định mức hỗ trợ di dân ra Đảo Cồn cỏ; Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định mức hỗ trợ di dân ra đảo Cồn cỏ ban hành kèm theo Quyết định số 37/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 quyết định ban hành quy định mức hỗ trợ cho hộ gia đình và chi phí quản lý chương trình bố trí dân cư theo quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của thủ tướng chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018 – 2020.

Đây là một Chương trình được nhân dân đồng tình ủng hộ cao và đã mang lại những kết quả nhất định. Giai đoạn 2017- 2021 đã bố trí ổn định 384 hộ (*theo đối tượng: Thiên tai: 308 hộ; biên giới: 66 hộ, Đảo Cồn cỏ: 10 hộ; theo hình thức: Xen ghép: 303 hộ; tập trung: 81 hộ*). Chương trình mang tính chất hỗ trợ, nhà nước và nhân dân cùng làm với mục tiêu ổn định cuộc sống cho người dân vùng thiên tai, biên giới, hải đảo, đặc biệt khó khăn...phòng tránh nguy cơ thiên tai.

Ngày 18/5/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 590/QĐ-TTg về phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030; Ngày 29/8/2022, Bộ Nông nghiệp và PTNT có văn bản số 5668/BNN- KTHT về hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg.

Tại điểm 7, Mục VI, Điều 1 của Quyết định số 590/QĐ-TTg quy định Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: c) Chủ động bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương, kết hợp lồng ghép nguồn vốn của các chương trình, dự án và nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn để triển khai thực hiện Chương trình; d) Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, xây dựng và ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách hỗ trợ để thực hiện các nội dung, giải pháp của Chương trình tại địa phương.

Căn cứ Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ- CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và khoản 3, Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 thì việc ban hành Nghị quyết thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết **“Quy định chính sách hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân thuộc Chương trình bố trí, ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2025”** là cần thiết làm cơ sở để triển khai thực hiện chương trình.

## II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015.
2. Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019.
3. Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017.
4. Luật Đất đai ngày 29/11/2013.
5. Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội.
6. Nghị định số 12/2011/NĐ- CP ngày 30/01/2011 của Chính phủ về tổ chức và chính sách đối với thanh niên xung phong.
7. Nghị định 146/2018/NĐ- CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế.
8. Nghị định 83/2018/NĐ- CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông.
9. Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành về việc Phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

10. Thông tư 01/2022/TT- BXD ngày 06/10/2022 của Bộ xây dựng về hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc chương trình MTQG giảm nghèo bền vững.

## **Phần II**

### **ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH BỐ TRÍ DÂN CƯ QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2017-2021**

#### **I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

##### **1. Về công tác tuyên truyền, chỉ đạo điều hành**

Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quyết định số 1776/QĐ-TTg, ngày 21/11/2012 về phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020, UBND tỉnh ban hành các văn bản chính sách thực hiện như sau:

Quyết định số 1776/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020

- Quyết định số 37/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị về chính sách di dân ra Đảo Cồn cỏ.

- Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 về việc Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định mức hỗ trợ di dân ra đảo Cồn cỏ ban hành kèm theo Quyết định số 37/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị;

- Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 quyết định ban hành quy định mức hỗ trợ cho hộ gia đình và chi phí quản lý chương trình bố trí dân cư theo quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của thủ tướng chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018 - 2020.

Bên cạnh đó hằng năm, Sở đã chủ động phối hợp với các địa phương xây dựng kế hoạch bố trí dân cư toàn tỉnh. Trên cơ sở nguồn vốn sự nghiệp được giao, tổng hợp kế hoạch đăng ký bố trí dân cư của các huyện, rà soát đối chiếu với quy hoạch trình UBND tỉnh phê duyệt làm cơ sở để triển khai thực hiện.

Tổ chức hàng trăm lớp tập huấn chuyên đề triển khai hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ cơ sở và tuyên truyền trên hệ thống báo chí, truyền hình về chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước để chính sách đến mọi người dân.

*Đối với nguồn vốn đầu tư phát triển:*

(1) *Nguồn do Chi cục làm chủ đầu tư:* Chi cục Phát triển nông thôn đã thành lập Ban Quản lý dự án giúp Chi cục quản lý Dự án làm chủ đầu tư. Các dự án tuân thủ trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện theo quy định hiện hành.

(2) *Nguồn do các huyện làm chủ đầu tư*: Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp quản lý trong việc nắm bắt thông tin, mục tiêu dự án, quy mô, tiến độ để có cơ sở bố trí dân cư vào vùng dự án.

- Trên cơ sở hướng dẫn công tác bố trí dân cư của Trung ương, Sở Nông nghiệp và PTNT đã xây dựng, từng bước hoàn thiện theo hướng phù hợp với nhu cầu thực tiễn. Năm 2021, trong thời gian chờ Chính phủ ban hành chính sách mới, UBND tỉnh đã cho chủ trương tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg và đồng thời ngành cũng đã tham mưu UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành đảm bảo thông suốt trong lãnh đạo, chỉ đạo trên địa bàn tỉnh.<sup>1</sup>

- Sở Nông nghiệp và PTNT đã triển khai công tác bố trí ổn định dân cư năm 2022<sup>2</sup> cho các địa phương, rà soát, tổng hợp số liệu của địa phương (*đối tượng có nguy cơ cao bị sạt lở trong năm 2022*) để đưa vào kế hoạch thực hiện trong năm. Tổ chức kiểm tra, rà soát các điểm có nguy cơ thiên tai tại huyện Hướng Hóa và Đakrông<sup>3</sup>.

- Xây dựng và trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện chương trình bố trí, ổn định dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2025.

## **2. Kết quả thực hiện di dời, sắp xếp, ổn định dân cư**

Trong thời gian qua được sự chỉ đạo của các cấp, chính quyền và sự đồng lòng của người dân, công tác bố trí dân cư đã đạt được một số kết quả như sau:

Tổng số hộ thực hiện từ 2017-2021: 384 hộ, phân theo đối tượng: Thiên tai: 308 hộ; biên giới: 66 hộ; Hải Đảo: 10 hộ; phân theo hình thức: Xen ghép: 303 hộ; tập trung: 81 hộ. Riêng năm 2022, có 02 hộ Hải Lệ, thị xã Quảng Trị và 11 hộ xã Cam Thành, huyện Cam Lộ đã làm nhà nhưng chưa có chính sách nên chưa nhận hỗ trợ.

<sup>1</sup>(1). Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 về việc kéo dài thời gian thực hiện Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 (Thực hiện theo QĐ 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt Chương trình bố trí dân cư giai đoạn 2013-2016 và định hướng đến năm 2020);

(2). Văn bản số 2632/UBND-NN ngày 25/6/2021 chỉ đạo các địa phương và đơn vị liên quan chủ động trong công tác bố trí dân cư vùng thiên tai;

(3). Văn bản số 2057/UBND-NN ngày 25/5/2021 về chủ trương di dời 56 hộ dân thuộc 3 thôn (Tri, Cuôi, Chà Lý) xã Hướng Lập, huyện Hướng Hóa ra khỏi vùng ngập lụt và nguy cơ sạt lở;

(4). Các văn bản đồng ý chủ trương cho di dời khẩn cấp các hộ dân thuộc 3 xã, huyện Hướng Hóa (xã Hướng Sơn, xã Hướng Lập, xã Húc): Số 5104/UBND-NN ngày 09/11/2020 V/v di dân khẩn cấp tại xã Hướng Sơn, huyện Hướng Hóa; số 5320/UBND-NN ngày 20/11/2020 V/v di dân khẩn cấp tại xã Hướng Lập, huyện Hướng Hóa; số 5366/UBND-NN ngày 23/11/2020 V/v di dân khẩn cấp tại xã Húc, huyện Hướng Hóa.

<sup>2</sup>Văn bản 68/PTNT-CSPTNT ngày 25/2/2022

<sup>3</sup>Đối với các điểm tại huyện Hướng Hóa: 66 hộ (Tân Lập: 08 hộ, Tân Liên: 04 hộ, Khe Sanh: 31 hộ, xã Thanh: 23 hộ) thuộc diện nguy cơ sạt lở đất và ngập lụt. Hầu hết các hộ đều bị ảnh hưởng bởi thiên tai năm 2020. Một số hộ đã phải khắc phục do sạt lở đất, còn lại các hộ trong diện ngập lụt nằm trong nguy cơ nếu mưa lũ kéo dài.

Đối với điểm tái định cư Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư, di dân khẩn cấp ổn định định canh định cư ra khỏi vùng lũ ống, lũ quét và sạt lở đất xã Tà Rụt, huyện Đakrông: Tổng số hộ bố trí vào vùng dự án: 101 hộ, đợt 1 gồm: 54 hộ và đợt 2 gồm 47 hộ. Hiện nay đã có 51/54 hộ đã và đang xây dựng nhà ở, UBND xã tiếp tục tuyên truyền, vận động người dân sớm di chuyển và xây dựng nhà ở tại vùng dự án nhằm đảm bảo an toàn cho các hộ dân trước mùa mưa bão và ổn định cuộc sống lâu dài.

Đặc biệt năm 2020, trên địa bàn tỉnh xảy ra thiên tai lũ quét, sạt lở khu vực miền núi, tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan tổ chức hoàn thành di dời 93/93 hộ, cụ thể: xã Hướng Sơn 45/45 hộ, xã Húc 19/19 hộ, xã Hướng Lập 29/29 hộ đã làm nhà ở ổn định tại nơi ở mới.

- Về hỗ trợ cộng đồng: Giai đoạn 2017-2020: Xây dựng mới và nâng cấp 1.731,18m đường giao thông nội vùng di dân xen ghép, nước sinh hoạt 02 công trình, xây dựng 01 nhà sinh hoạt cộng đồng kiêm mẫu giáo với diện tích 210,6 m<sup>2</sup>... và một số công trình khác. Việc xây dựng các công trình vừa khắc phục thiên tai vừa đảm bảo cơ sở hạ tầng cho người dân vùng dự án yên tâm ổn định cuộc sống tại nơi ở mới. Nhìn chung, mỗi công trình cộng đồng được triển khai đúng tiến độ, đảm bảo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng xây dựng. Quá trình triển khai bám sát chủ trương, chính sách của Nhà nước, quy phạm kỹ thuật một cách đầy đủ và kịp thời, đáp ứng nhu cầu của người dân.

*(Chi tiết có Phụ lục I, II đính kèm)*

### **3. Thực hiện các dự án đầu tư**

*(1). Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư, di dân khẩn cấp ổn định ĐCĐC ra khỏi vùng lũ ống, lũ quét và sạt lở xã Tà Rụt huyện Đakrông:*

UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2364/QĐ-UBND ngày 29/10/2014, tổng mức đầu tư: 56.193 triệu đồng (*Trung ương 70%, địa phương và các nguồn vốn khác 30%*), mục tiêu bố trí 106 hộ dân. Hiện nay, nguồn vốn Trung ương đã cấp đủ 100%, dự án đã hoàn thành bàn giao cho địa phương thực hiện bố trí dân cư vùng thiên tai. Hiện nay đã có 51/54 hộ<sup>4</sup> đã và đang xây dựng nhà ở, UBND xã tiếp tục tuyên truyền, vận động người dân sớm di chuyển và xây dựng nhà ở tại vùng dự án nhằm đảm bảo an toàn cho các hộ dân trước mùa mưa bão và ổn định cuộc sống lâu dài.

*(2). Di dân khẩn cấp ra khỏi vùng ngập lụt và sạt lở bờ sông Thạch Hãn, xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị:*

UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh dự án tại Quyết định số 1995/QĐ-UBND ngày 24/8/2016, với tổng mức đầu tư : 39.165 triệu đồng (*Vốn Trung ương 70%, địa phương và các nguồn vốn khác 30%*), mục tiêu bố trí 60 hộ dân.

Đến nay, các hạng mục công trình đã hoàn thành và bàn giao cho UBND xã Hải Lệ quản lý, sử dụng. Hiện nay đã có 04 hộ xây dựng nhà và chuyển đến ở tại nơi ở mới; đồng thời ngành đã chỉ đạo Chi cục PTNT làm việc với UBND thị xã, các phòng ban chuyên môn, UBND xã Hải Lệ triển khai kế hoạch bố trí dân cư vào vùng dự án<sup>5</sup> trước mùa mưa lũ.

<sup>4</sup>Ngày 11/8/2021, UBND huyện Đakrông phê duyệt danh sách di dân đợt 1 tại Quyết định số 2815/QĐ-UBND cho 54 hộ.

<sup>5</sup>Thông báo số 305/TB-PTNT ngày 29/6/2022 của Chi cục Phát triển nông thôn về Kết luận buổi làm việc về công tác bố trí dân cư Dự án di dân khẩn cấp ra khỏi vùng ngập lụt và sạt bờ sông Thạch Hãn xã Hải Lệ thị xã Quảng Trị

(3). Dự án bố trí sắp xếp và ổn định dân cư vùng biên giới Việt – Lào xã Ba Tầng, huyện Hướng Hoá.

UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 1013/QĐ-UBND ngày 11/6/2010, tổng mức đầu tư: 62.417 triệu đồng, với mục tiêu bố trí cho 200 hộ. Vốn Trung ương đã cấp cho dự án là 35.669 triệu đồng. Đến nay, các hạng mục công trình của dự án đã hoàn thành và bàn giao cho UBND xã quản lý, sử dụng hiện đã có 15 hộ chuyển đến nơi ở ổn định.

4. Tổng nguồn vốn đã thực hiện (2017-2021): 113.416 triệu đồng (trong đó: Vốn sự nghiệp: 13.000 triệu đồng, vốn đầu tư phát triển: 100.416 triệu đồng). Nguồn vốn chủ yếu là nguồn ngân sách Trung ương thuộc Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế, phòng chống giảm nhẹ thiên tai và ổn định đời sống dân cư.

(Chi tiết có Phụ lục III đính kèm)

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Những kết quả đạt được**

- Chương trình bố trí dân cư được các cấp, các ngành và địa phương tích cực triển khai thực hiện, được nhân dân đồng tình ủng hộ; vai trò chủ thể người dân được phát huy, từng bước thay đổi diện mạo nông thôn theo chiều hướng tốt hơn, góp phần giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới.

- Việc thực hiện công tác bố trí sắp xếp dân cư trong những năm qua đã góp phần ổn định cuộc sống, đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân nằm trong vùng sạt lở và vùng lũ quét ở các địa bàn trọng yếu thường xuyên bị thiên tai đe dọa. Từng bước tạo nên những cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống như: Giao thông, thủy lợi, trường học, trạm xá, điện sinh hoạt...cho các vùng dân cư mới, tạo điều kiện thuận lợi để từng bước ổn định và phát triển sản xuất ngày càng có hiệu quả và giao lưu với các vùng trong tỉnh.

- Góp phần bố trí, sắp xếp lại lực lượng lao động - dân cư hợp lý giữa các vùng, tăng mật độ dân cư đáng kể ở những vùng xung yếu của tỉnh như vùng biên giới Việt – Lào, hải đảo, vùng ven biển... tạo thế vững chắc trong việc củng cố an ninh quốc phòng trên các địa bàn của tỉnh.

### **2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

#### **2.1. Tồn tại, hạn chế**

- Tiến độ đầu tư không đáp ứng theo quy hoạch tổng thể bình quân chỉ đạt 20-30% mục tiêu của dự án đề ra, vì vậy một số vùng còn thiếu các cơ sở hạ tầng thiết yếu như đường giao thông, điện sinh hoạt, nước sinh hoạt... nên việc bố trí kế hoạch tiếp nhận dân đạt tỷ lệ thấp chưa đáp ứng yêu cầu, hạn chế đến quá trình khai thác tiềm năng vùng dự án.

- Tình hình biến đổi khí hậu diễn ra nhanh và diễn biến phức tạp dẫn đến nhu cầu bố trí ổn định dân cư ngày càng tăng (giai đoạn 2022-2025 cần bố trí 2.328 hộ, 9.252 khẩu kể cả chương trình miền núi theo Quyết định số 1719/QĐ-

TTg của Thủ tướng Chính phủ), trong khi quỹ đất bố trí dân cư hạn hẹp, nhiều địa phương không có đất để bố trí tập trung phải chuyển sang bố trí xen ghép.

- Phong tục, tập quán sinh sống và sản xuất của người đồng bào dân tộc quen thuộc bao đời nay, nên để bà con từ bỏ nơi cũ đến nơi mới rất khó, cần có thời gian để các cấp chính quyền, đoàn thể tuyên truyền, vận động để người dân di chuyển nhà, ổn định cuộc sống, đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản phòng tránh thiên tai.

- Các hộ dân thuộc diện di dân khẩn cấp, tuy đã di chuyển đến nơi ở mới có nhà ở, nhưng cơ sở hạ tầng còn thiếu thốn nên rất khó khăn trong việc ổn định cuộc sống của người dân.

- Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho các hộ di dân còn thấp (bình quân 20-30 triệu đồng/hộ tùy khu vực); mức hỗ trợ đều rất thấp so với chi phí thực tế ở các địa phương, trong khi đối tượng của Chương trình phần lớn là hộ nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số không đủ điều kiện chuyển đến khu tái định cư làm chậm tiến độ di dân ở một số dự án bố trí dân cư (về chi phí làm nhà ở, khảo sát tại một số địa phương cho thấy chi phí thực tế làm một căn nhà cấp 4, diện tích 40m<sup>2</sup> khoảng 240-320 triệu đồng tùy từng địa phương, trong khi mức hỗ trợ kể cả di chuyển, làm nhà ở, lương thực... chỉ có 20-30 triệu đồng/hộ).

- Các hộ sắp xếp dân cư chủ yếu là hộ nghèo, dân tộc thiểu số, trong đó có nhiều hộ nghèo và cận nghèo, khi tháo dỡ để di chuyển bị hư hỏng; mặt khác, người dân sống chủ yếu dựa vào rừng, có tập quán ở nhà làm bằng gỗ, do đó khi nhà nước thực hiện đóng cửa rừng, khả năng làm nhà mới kiên cố rất hạn chế.

- Một số điểm bố trí dân cư gặp khó khăn về kết nối giao thông, điện sinh hoạt; địa hình khu vực bố trí dân cư khá cao so với trục đường giao thông.

- Nguồn vốn đầu tư vào chương trình còn quá ít, ngân sách địa phương còn hạn chế nên việc đầu tư hỗ trợ thêm cho các hộ dân vùng dự án còn ít, các chương trình đầu tư hỗ trợ khác lồng ghép còn hạn chế.

- Công tác tuyên truyền vận động đến tận người dân tuy đã đạt được kết quả nhất định nhưng chưa thường xuyên, liên tục, thiếu sự kiên trì từ cán bộ chỉ đạo xuống cơ sở..., nhận thức của một số hộ dân còn xem chính sách hỗ trợ của Nhà nước như một chính sách xã hội nên khi đến vùng dự án các hộ dân còn ỷ lại, thiếu sự đầu tư phát triển sản xuất ban đầu.

- Di dân ra Đảo Côn Cỏ mặc dù tỉnh đã ban hành chính sách mức hỗ trợ nhưng chế độ đang còn thấp, chưa thực sự thu hút người dân định cư lâu dài tại Đảo, chỉ mới giải quyết hỗ trợ trước mắt.

- Cán bộ ở cấp huyện, xã đa phần là kiêm nhiệm, năng lực, trình độ hạn chế nên việc tổ chức thực hiện chưa đạt hiệu quả. Một bộ phận người dân còn trông chờ ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước, ý thức phối hợp chưa cao.

## **2.2. Nguyên nhân**

- Nguyên nhân khách quan:

+ Do nguồn vốn bố trí thực hiện chương trình, dự án còn hạn chế, chưa tương xứng với mục tiêu đề ra. Mức đầu tư để bố trí ổn định cho các hộ dân còn thấp, nguồn vốn giao để thực hiện còn chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện sắp xếp, bố trí ổn định cho các hộ dân. Việc huy động các nguồn lực cùng tham gia vào chương trình sắp xếp, ổn định dân cư đã được một số địa phương thực hiện nhưng hiệu quả còn chưa cao, chủ yếu vẫn trông chờ vào sự đầu tư của Nhà nước.

+ Công tác điều tra, khảo sát, bố trí tái định cư còn chưa đầy đủ. Các điều kiện về quỹ đất, đường giao thông, điện, nước sinh hoạt, trường học, trạm y tế... chưa đảm bảo; phong tục, tập quán sinh hoạt và sản xuất của nhân dân, đặc biệt là của đồng bào dân tộc thiểu số chậm thích nghi nơi ở mới; công tác quy hoạch, kế hoạch được xây dựng nhưng chậm phê duyệt ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện...

+ Một số địa phương là chủ đầu tư, chưa nỗ lực huy động, lồng ghép, tìm nguồn vốn để giải quyết dứt điểm các hạng mục còn thiếu, kịp thời bố trí dân cư, gây lãng phí đầu tư.

+ Điều kiện sinh sống lâu dài tại Đảo Cồn cỏ vẫn còn thiếu đặc biệt là nước sạch, bên cạnh đó sinh kế chưa có, chủ yếu sinh sống bằng sự hỗ trợ của Nhà nước, công việc đơn giản nên để định cư trên Đảo thì cần chính sách đặc thù và tạo được sinh kế cho người dân.

+ Một số địa phương chưa tuyên truyền, phổ biến đầy đủ các chính sách bố trí dân cư để người dân hiểu quyền lợi và trách nhiệm của mình khi tự nguyện di dân tái định cư.

+ Cơ chế chính sách chậm thay đổi, suất đầu tư quá thấp so với nhu cầu thực tế, địa phương chưa có nhiều chính sách, kinh phí hỗ trợ.

- Quỹ đất do địa phương quản lý rất hạn chế, thiếu nguồn lực để thực hiện bồi thường, thu hồi đất và bố trí đất ở cho hộ sắp xếp dân cư. Quỹ đất có thể khai hoang không còn nhiều, việc xác định hộ thiếu đất sản xuất ở miền núi quá khó khăn do đất sản xuất của hộ dân rất manh mún, nhỏ lẻ, phân tán lại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mức hỗ trợ còn thấp.

*+Nguyên nhân chủ quan:*

- Thu nhập bình quân đầu người thấp, nguồn thu của tỉnh còn thấp không đủ, chủ yếu dựa vào vốn hỗ trợ của Trung ương. Do đó chưa có sự hỗ trợ đáng kể cho các vùng dự án nhằm tháo gỡ những khó khăn để các dự án thực hiện đạt hiệu quả cao.

- Cán bộ công chức làm công tác bố trí sắp xếp dân cư từ tỉnh xuống huyện còn thiếu so với yêu cầu.

- Việc đánh giá đúc kết kinh nghiệm các điển hình tiên tiến ở các vùng dự án chưa làm thường xuyên, phổ biến nhân rộng chưa kịp thời.



- Một số địa phương chưa chú trọng trong cân đối quỹ đất để bố trí đất ở cho hộ theo quy hoạch sắp xếp dân cư gắn với xây dựng nông thôn mới đã phê duyệt (do UBND xã lập, UBND huyện phê duyệt).

- Công tác tổ chức thực hiện của đội ngũ cán bộ xã còn hạn chế, cán bộ chuyên môn ở cấp xã đa phần là kiêm nhiệm, mức lương thấp, trong khi đó chưa có kinh phí hỗ trợ cho hoạt động kiểm tra, giám sát, hướng dẫn triển khai thực hiện. Cán bộ thôn, nhất là thôn ở miền núi cao chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong việc tổ chức bình xét, lập hồ sơ xét chọn đối tượng hộ; nghiệm thu từng nội dung thực hiện hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư nên cán bộ xã phải làm thay nhiệm vụ này.

- Tính chủ động, vai trò chủ thể của người dân chưa cao trong tự thực hiện tiếp nhận các nội dung hỗ trợ; trình độ dân trí còn thấp, người dân còn tư tưởng trông chờ vào hỗ trợ của nhà nước.

- Tỉnh chưa xây dựng hệ thống cảnh báo thiên tai tại các vùng có nguy cơ cao về sạt lở đất, sạt lở núi.

### **3. Một số bài học kinh nghiệm**

3.1. Công tác vận động, tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước về công tác sắp xếp, ổn định dân cư phải được triển khai sâu rộng để người dân nâng cao nhận thức, không chủ quan trước những diễn biến bất thường của thời tiết; khắc phục các mặt khó khăn, hưởng ứng chủ trương sắp xếp dân cư của nhà nước, nhất là di dời dân vùng bị thiên tai uy hiếp, nhằm sớm ổn định cuộc sống lâu dài có vai trò quyết định đến sự thành công của dự án. Các cơ chế, chính sách phải được công khai, minh bạch, làm cho người dân hiểu rõ những lợi ích thiết thực mang lại.

3.2. Công tác di dân, tái định cư hoàn thành tốt là nhờ có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, địa phương liên quan trong tổ chức thực hiện; chính sách hỗ trợ người dân di dời được thực hiện kịp thời, nhanh chóng và hiệu quả.

3.3. Thực hiện bố trí dân cư theo hình thức xen ghép là chủ yếu, kết hợp tập trung và tại chỗ đặc biệt ưu tiên với những hộ có điều kiện về đất ở, vì đây là những hộ nhanh ổn định đời sống.

3.4. Công tác lựa chọn địa điểm, quy hoạch điểm tái định cư gắn kết giữa nơi ở với nơi sản xuất, phù hợp với phong tục, tập quán và văn hóa làng, bản của người dân; cơ sở hạ tầng thiết yếu các khu tái định cư được xây dựng đồng bộ, đã tạo điều kiện thuận lợi cho đời sống của người dân tái định cư.

## **Phần III**

### **NỘI DUNG ĐỀ ÁN**

#### **I. MỤC TIÊU**

##### **1. Mục tiêu chung**

Ổn định và nâng cao đời sống người dân tại các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, ổn định dân di cư tự do, khu rừng đặc dụng; hạn

chế thiệt hại về người và tài sản do thiên tai... và ứng phó với biến đổi khí hậu; bố trí ổn định dân cư gắn với việc bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; giải quyết việc làm, tăng thu nhập của người dân; thực hiện các giải pháp về đảm bảo quỹ đất ở, đất sản xuất, huy động nguồn vốn đầu tư, tổ chức phát triển sản xuất, đảm bảo thoát nghèo bền vững. Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm dần tỷ lệ lao động trực tiếp sản xuất nông nghiệp, tăng tỷ lệ lao động được đào tạo nghề ở nông thôn. Đầu tư xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế xã hội trong vùng theo hướng phát triển nông thôn mới.

## 2. Mục tiêu cụ thể

Căn cứ nhu cầu giai đoạn 2022- 2025 thực hiện sắp xếp, ổn định dân cư cho: **1.279 hộ, 4.797 nhân khẩu** (94 xã, phường, thị trấn<sup>6</sup>). Trong đó:

+ Theo hình thức bố trí: Tập trung: 464 hộ, xen ghép: 708 hộ, ổn định tại chỗ: 107 hộ.

+ Theo đối tượng bố trí: Thiên tai: 1.258 hộ, hải đảo: 21 hộ.

+ Theo địa bàn bố trí: Huyện Hương Hóa: 74 hộ, huyện Cam Lộ: 58 hộ, thị xã Quảng Trị: 40 hộ, huyện Hải Lăng: 340 hộ, huyện Triệu Phong: 633 hộ, huyện Vĩnh Linh: 42 hộ, huyện Gio Linh 71 hộ và huyện đảo Cồn Cỏ: 21 hộ.

( Chi tiết có Phụ lục IV đính kèm)

Tuy nhiên, căn cứ vào tình hình thực tế thì giai đoạn 2023- 2025 thực hiện sắp xếp, ổn định dân cư khoảng 255 hộ (bình quân 80- 85 hộ/năm), trong đó: Miền núi: 90 hộ, đồng bằng: 120 hộ, ổn định tại chỗ: 30 hộ, di dân ra Đảo Cồn cỏ: 10 hộ (Bao gồm 13 hộ đã làm nhà năm 2022, gồm: 02 hộ xã Hải Lệ - thị xã Quảng Trị và 11 hộ xã Cam Thành – Cam Lộ chưa nhận hỗ trợ).

## II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chính sách hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân thuộc Chương trình bố trí, ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2025 theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước tại các vùng: Thiên tai (sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng); đặc biệt khó khăn (thiếu đất, thiếu nước sản xuất, nước sinh hoạt, thiếu cơ sở hạ tầng thiết yếu; ô nhiễm môi trường; các làng chài trên sông nước, đầm phá); biên giới, hải đảo (gồm cả Khu kinh tế - quốc phòng); vùng dân di cư tự do đến đời sống quá khó khăn và khu rừng đặc dụng.

### 2. Đối tượng áp dụng

2.1. Hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022 - 2025 theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm:

<sup>6</sup> Toàn tỉnh có 125 xã phường thị trấn. Trong đó đối tượng thuộc phạm vi của Quyết định 590/QĐ- TTg là 94 xã, phường thị trấn, thuộc đối tượng của Quyết định 1719/QĐ- TTg là 31 xã.

a) Hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, đất ở do sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét; hộ gia đình, cá nhân sinh sống ở vùng có nguy cơ bị sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng.

b) Hộ gia đình, cá nhân sống ở vùng đặc biệt khó khăn, thiếu đất, nước để sản xuất, thiếu nước sinh hoạt, thiếu cơ sở hạ tầng thiết yếu; du cư trên đầm phá, các làng chài trên sông nước, ô nhiễm môi trường.

c) Hộ gia đình, cá nhân tự nguyện đến các vùng biên giới đất liền, khu kinh tế - quốc phòng, hải đảo.

d) Hộ gia đình, cá nhân đã di cư tự do đến các địa bàn trong cả nước không theo quy hoạch, kế hoạch, đời sống còn khó khăn; hộ gia đình, cá nhân sinh sống hợp pháp trong khu rừng đặc dụng cần phải bố trí, ổn định lâu dài.

2.2. Các hộ gia đình thuộc đối tượng của Chương trình bố trí, ổn định dân cư đã di chuyển đến làm nhà ở nơi ở mới trong năm 2022 nhưng chưa nhận hỗ trợ.

2.3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

### **3. Địa bàn áp dụng**

Các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (trừ địa bàn thuộc Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025).

**4. Thời gian thực hiện:** Đến hết năm 2025.

## **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Nhiệm vụ**

- Các địa phương tiếp tục rà soát, điều chỉnh quy hoạch để làm cơ sở cho việc quy hoạch sắp xếp, ổn định dân cư. Lựa chọn địa điểm bố trí dân cư đảm bảo điều kiện về đất ở, đất sản xuất, quỹ đất dự phòng đáp ứng nhu cầu, thuận lợi trong việc kết nối các hạ tầng về giao thông, điện, nguồn nước, y tế, giáo dục, phù hợp với phong tục, tập quán sinh hoạt của người dân...

- Nhà nước hỗ trợ kinh phí trực tiếp đến hộ dân theo định mức để thực hiện sắp xếp, ổn định dân cư đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng. Ưu tiên bố trí các hộ gia đình cần di dời khẩn cấp; sắp xếp lại các hộ dân vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng ... không có điều kiện để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu hoặc không đảm bảo điều kiện phát triển sản xuất, ổn định đời sống.

- Phạm vi bố trí, sắp xếp dân cư chủ yếu trên địa bàn xã, huyện để tránh xáo trộn về đời sống và sản xuất; bố trí theo hình thức xen ghép vào các khu dân cư sở tại để tận dụng quỹ đất. Trường hợp thật cần thiết mới san lấp mặt bằng

xây dựng các khu dân cư tập trung, trong san lấp phải đảm bảo các giải pháp kỹ thuật phù hợp địa hình, hạn chế thấp nhất việc san ủi làm thay đổi kết cấu tự nhiên gây nguy cơ sạt lở. Bố trí dân cư hướng tới hình thành các điểm dân cư theo tiêu chí nông thôn mới.

## **2. Giải pháp thực hiện**

### **2.1. Giải pháp về tuyên truyền vận động**

Huy động sự tham gia của các tổ chức đoàn thể, quần chúng nhân dân, các tổ chức xã hội và cơ quan thông tin đại chúng để tuyên truyền, vận động nhân dân hiểu rõ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tích cực tham gia cùng chính quyền các cấp thực hiện bố trí dân cư theo quy hoạch, kế hoạch. Đặc biệt chú trọng công tác tuyên truyền cho các hộ dân không di cư tự do đến các địa bàn trong cả nước, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội dọc tuyến biên giới đất liền và giữ vững chủ quyền biên giới, hải đảo.

### **2.2. Giải pháp về quy hoạch, kế hoạch**

Căn cứ Luật Quy hoạch, nội dung quy hoạch bố trí ổn định dân cư giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 của từng địa bàn theo các đối tượng di dân được tích hợp vào quy hoạch tỉnh, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong quá trình thực hiện, nếu có sự thay đổi cần điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tế của từng địa phương.

Trên cơ sở nội dung quy hoạch bố trí ổn định dân cư được phê duyệt, tiến hành lập, thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư bố trí ổn định dân cư theo quy định hiện hành để tổ chức thực hiện theo kế hoạch hàng năm.

Xây dựng kế hoạch bố trí dân cư theo thứ tự ưu tiên, nơi có nguy cơ cao về thiên tai phải được bố trí thực hiện trước nhằm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra; vùng biên giới, hải đảo; vùng đặc biệt khó khăn; vùng dân di cư tự do sống trong rừng đặc dụng. Có kế hoạch cụ thể để thực hiện hoàn thành dứt điểm các dự án bố trí ổn định dân cư, sớm đưa dân đến sinh sống, ổn định lâu dài.

### **2.3. Giải pháp về đất đai**

- Căn cứ quy định Luật Đất đai hiện hành, các địa phương có biện pháp thu hồi diện tích đất theo quy định hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch (ưu tiên bố trí quỹ đất dự phòng thực hiện dự án bố trí ổn định dân cư cấp bách) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để giao cho các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án bố trí ổn định dân cư;

- Miễn, giảm tiền sử dụng đất ở đối với những hộ di dân ở vùng thiên tai; hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng đặc biệt khó khăn; hộ dân làng chài, dân sống trên sông nước, đằm phá theo các quy định hiện hành.

### **2.4. Giải pháp về hỗ trợ phát triển sản xuất**

- Hỗ trợ xây dựng các mô hình liên kết sản xuất, phát triển vùng nguyên liệu phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

- Ưu tiên hỗ trợ các hộ bố trí ổn định dân cư có điều kiện, có năng lực phát triển sản xuất: Lãi suất vay vốn, mua vật tư, hỗ trợ thăm quan, tập huấn, đào tạo nghề... để phát triển sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP, sản phẩm có lợi thế của địa phương, làm cơ sở để nhân rộng;

- Thúc đẩy phát triển các mô hình làng du lịch văn hóa cộng đồng gắn với giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và lợi thế của vùng, miền;

- Lồng ghép từ các chương trình, dự án ưu tiên hỗ trợ cho người dân ổn định sản xuất trước mắt và lâu dài.

- Có chính sách hỗ trợ bảo quản sau thu hoạch và các hoạt động xúc tiến thương mại theo quy định hiện hành.

- Phát triển ngành nghề đặc biệt là những nghề truyền thống của địa phương;

- Tăng cường công tác thông tin, tìm kiếm thị trường; gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ sản phẩm cho hộ dân vùng dự án bố trí dân cư; mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất vùng dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư.

#### 2.5. Giải pháp về phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm

- Nhà nước hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động thuộc hộ gia đình được bố trí ổn định đến vùng dự án bố trí dân cư nhưng không bảo đảm quỹ đất sản xuất nông nghiệp để ổn định đời sống và phát triển sản xuất theo quy định của các chính sách hiện hành.

- Nhà nước hỗ trợ vùng dự án bố trí dân cư xây dựng mô hình đào tạo nghề, chuyển đổi nghề, phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, ưu tiên các nghề trong các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, cơ giới hóa đồng bộ, chế biến, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, chứng nhận an toàn; nghề quản trị trang trại, doanh nghiệp, hợp tác xã và các dịch vụ sản xuất, kinh doanh nông nghiệp.

- Ngân sách Nhà nước hỗ trợ xây dựng nội dung chương trình và tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về quản lý, tổ chức thực hiện chương trình cho người làm công tác bố trí dân cư ở các cấp; bảo đảm kinh phí chỉ đạo thực hiện chương trình; mức chi phí cụ thể theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### 2.6. Giải pháp về huy động vốn

Các địa phương chủ động bố trí nguồn vốn do địa phương quản lý kết hợp lồng ghép nguồn vốn của các chương trình, dự án và huy động thêm các nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn để triển khai thực hiện bố trí ổn định dân cư; ưu tiên thực hiện các dự án đầu tư bố trí, sắp xếp ổn định dân cư các vùng: Nguy cơ cao về thiên tai (sạt lở đất, lũ quét, lũ ống, ngập lũ,...); biên giới, hải đảo (hiện chưa có dân sinh sống hoặc ít dân); dân di cư tự do đến (đời sống quá khó khăn), dân cư trú trong khu rừng đặc dụng.

## IV. NGUYÊN TẮC, ĐIỀU KIỆN VÀ MỨC HỖ TRỢ

### 1. Nguyên tắc thực hiện và điều kiện được hỗ trợ

#### 1.1. Nguyên tắc thực hiện

- Bố trí dân cư phải phù hợp các quy hoạch các cấp theo quy định của pháp luật về quy hoạch, đất đai, xây dựng và các quy hoạch có liên quan. Ưu tiên bố trí ổn định dân cư để phòng, tránh và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai.

- Bố trí ổn định dân cư là mục tiêu nhưng đồng thời cũng là giải pháp để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội gắn với quốc phòng an ninh; bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia, an ninh quốc phòng, môi trường sinh thái, tài nguyên nước. Tuân thủ các quy định của Pháp luật và điều ước Quốc tế về biên giới quốc gia. Bố trí ổn định dân cư phải tập trung, có trọng điểm, đảm bảo kết cấu hạ tầng thiết yếu và phát triển sản xuất để người dân đến nơi ở mới có điều kiện sống ổn định lâu dài; hướng tới hình thành các điểm dân cư đạt chuẩn theo tiêu chí nông thôn mới, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; phù hợp với phong tục, tập quán văn hóa của từng dân tộc.

- Bố trí ổn định dân cư là trách nhiệm của các ngành, các cấp chính quyền địa phương. Hộ gia đình, cá nhân bố trí ổn định theo quy hoạch, kế hoạch được Nhà nước hỗ trợ về di chuyển (nếu có) và các điều kiện để ổn định đời sống, phát triển bền vững cộng đồng dân cư. Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các nội dung thuộc Chương trình theo quy định và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn để thực hiện Chương trình.

- Việc bố trí ổn định dân cư chủ yếu trên địa bàn trong xã, huyện, tỉnh. Ưu tiên thực hiện bố trí dân cư xen ghép là chủ yếu, kết hợp với di dân tập trung và ổn định tại chỗ.

- Đối với nội dung hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình, người dân là chủ thể thực hiện, nhà nước hỗ trợ theo định mức. Trong cùng thời điểm mà có nhiều chính sách hỗ trợ cùng một nội dung thì hộ hưởng lợi được chọn chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

#### 1.2. Điều kiện hỗ trợ

a. Các hộ thuộc đối tượng của Chương trình chỉ được hỗ trợ khi đảm bảo các điều kiện sau:

- Hộ gia đình có nhà ở riêng tại vị trí cần phải di dời đến nơi ở mới theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Nhà làm mới đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m<sup>2</sup> (đối với những hộ đơn thân, có thể xây dựng nhà ở có diện tích sử dụng nhỏ hơn nhưng không thấp hơn 18m<sup>2</sup>); đảm bảo tiêu chuẩn “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng), các công trình phụ trợ (bếp, nhà vệ sinh); đáp ứng yêu cầu công năng, an toàn trong sử dụng; đảm bảo mỹ quan và phù hợp với phong tục tập quán của địa phương.

b. Trường hợp không được hỗ trợ: Hộ gia đình có nhiều nhà ở (hai nhà trở lên trong địa bàn tỉnh Quảng Trị) mà có ít nhất một nhà không nằm tại khu vực cần phải di dời (trừ huyện Đảo Cồn Cỏ).

## 2. Nội dung và mức hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình<sup>7</sup>

### 2.1. Đối với hộ di dân vùng núi:

- Hỗ trợ làm nhà: 40 triệu đồng/hộ
- Hỗ trợ tiền vận chuyển<sup>8</sup>: 5 triệu đồng/hộ
- Hỗ trợ nước sinh hoạt (vật tư chứa nước, khoan giếng...): 4 triệu đồng/hộ
- 12 tháng lương thực<sup>9</sup>: 21.6 triệu đồng/hộ

**Tổng kinh phí: 70,6 triệu đồng/hộ**

**(Làm tròn 70 triệu đồng/hộ)**

Đề xuất như sau:

- Ngân sách cấp tỉnh: 50 triệu đồng/hộ
- Ngân sách huyện: 20 triệu đồng/hộ

### 2.2. Đối với hộ di dân vùng đồng bằng:

- Hỗ trợ làm nhà: 30 triệu đồng/hộ
- Hỗ trợ tiền vận chuyển<sup>10</sup>: 4 triệu đồng/hộ
- Hỗ trợ nước sinh hoạt (vật tư chứa nước, khoan giếng...): 4 triệu đồng/hộ
- 12 tháng lương thực<sup>11</sup>: 21.6 triệu đồng/hộ

**Tổng kinh phí hỗ trợ: 59,6 triệu đồng/hộ**

**(Làm tròn 60 triệu đồng/hộ)**

<sup>7</sup>Do tình hình trượt giá và mức hỗ trợ theo quy định cũ quá thấp so với nhu cầu (bình quân 20-30 triệu đồng/hộ tùy khu vực); mức hỗ trợ đều rất thấp so với chi phí thực tế ở các địa phương, trong khi đối tượng của Chương trình phần lớn là hộ nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số không đủ điều kiện chuyển đến khu tái định cư làm chậm tiến độ di dân ở một số dự án bố trí dân cư (về chi phí làm nhà ở, khảo sát tại một số địa phương cho thấy chi phí thực tế làm một căn nhà cấp 4, diện tích 30- 40m<sup>2</sup> khoảng 240- 320 triệu đồng tùy từng địa phương, trong khi mức hỗ trợ kể cả di chuyển, làm nhà ở, lương thực... chỉ có 20-30 triệu đồng/hộ). Nội dung hỗ trợ này xuất phát từ thực tế theo dõi trong quá trình thực hiện và đề xuất của các địa phương và trên cơ sở Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị quyết số 70/2022/NQ- HĐND tỉnh ngày 18/10/2022 của HĐND tỉnh.

<sup>8</sup>Quyết định 26/ 2021/ QĐ- UBND ngày 27/10/2021

<sup>9</sup>(30kg/gạo/ 1 nhân khẩu/tháng, bình quân 1 hộ có 4 nhân khẩu giá theo giá tại thời điểm do Sở Tài chính thẩm định), giá tạm tính 15.000đ/1kg và hiện nay UBND tỉnh quy định hỗ trợ thực hiện công bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất tại Quyết định 26/ 2021/ QĐ- UBND ngày 27/10/2021.

<sup>10</sup>Quyết định 26/ 2021/ QĐ- UBND ngày 27/10/2021

<sup>11</sup>(30kg/gạo/ 1 nhân khẩu/tháng, bình quân 1 hộ có 4 nhân khẩu giá theo giá tại thời điểm do Sở Tài chính thẩm định), giá tạm tính 15.000đ/1kg và hiện nay UBND tỉnh quy định hỗ trợ thực hiện công bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất tại Quyết định 26/ 2021/ QĐ- UBND ngày 27/10/2021.

Đề xuất như sau:

- Ngân sách cấp tỉnh:	40 triệu đồng/hộ
- Ngân sách huyện:	20 triệu đồng/hộ

### 2.3. Đối với hộ ổn định tại chỗ

Hỗ trợ ổn định dân cư tại chỗ: Hộ gia đình, cá nhân đang sinh sống ở vùng có nguy cơ thiên tai nhưng không còn quỹ đất để di chuyển đến chỗ khác, phải bố trí ổn định tại chỗ được hỗ trợ để nâng cấp, sửa chữa nhà ở. Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 20 triệu đồng/hộ.

### 2.4. Đối với di dân ra Đảo Cồn Cỏ

Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ trực tiếp cho các hộ di dân ra Đảo Cồn Cỏ gồm:

a) Hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian đầu: Hỗ trợ bằng tiền 18 tháng lương thực tính từ ngày ra đảo, mức hỗ trợ tương đương 30 kg gạo/01 nhân khẩu/tháng.

b) Di chuyển người và tài sản ra đảo: Nhà nước thuê phương tiện để tổ chức di chuyển tập trung; Trong đó tiền thuê phương tiện di chuyển ra đảo theo giá thuê phương tiện thực tế (trường hợp tổ chức di dân tập trung) hoặc tiền xăng dầu thực tế (trường hợp hộ dân tự túc) nhưng không vượt quá mức 10.000.000 đồng/hộ.

Cụ thể:

+ 18 tháng lương thực <sup>12</sup> :	32,4 triệu đồng
+ Vận chuyển:	10 triệu đồng

**Tổng kinh phí Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ: 42,4 triệu đồng/hộ**

*(Chi tiết có Phụ lục V đính kèm)*

### 4. Kinh phí quản lý<sup>13</sup>

Kinh phí quản lý Chương trình để thực hiện các việc: Tuyên truyền, vận động; khảo sát, kiểm tra, nghiệm thu công tác bố trí ổn định dân cư; văn phòng phẩm. Mức hỗ trợ:

1. Vùng Đồng bằng:	600.000 đồng/hộ
2. Vùng Miền núi:	800.000 đồng/hộ
3. Huyện Đảo Cồn Cỏ:	1.600.000 đồng/hộ

Trong đó, Ngân sách cấp tỉnh: 50%, Ngân sách huyện: 50%. Kinh phí cấp nào do cấp đó đảm bảo theo Luật ngân sách.

<sup>12</sup>18 tháng x 30kg gạo/người/tháng x 15.000 đồng/kg x 4 khẩu

<sup>13</sup>Đề xuất mức kinh phí cũ của giai đoạn 2018-2020 tại Quyết định 26/2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018.



## 6. Kế hoạch sắp xếp, ổn định dân cư; nhu cầu kinh phí và nguồn vốn thực hiện giai đoạn 2022-2025

Giai đoạn 2023- 2025 thực hiện sắp xếp, ổn định dân cư khoảng 255 hộ (bình quân 85 hộ/năm), trong đó: Miền núi: 90 hộ, đồng bằng: 120 hộ, ổn định tại chỗ: 30 hộ, di dân ra Đảo Côn cò: 15 hộ. (Riêng năm 2022 có 13 hộ đã làm nhà: 02 hộ xã Hải Lệ và 11 hộ xã Cam Thành nhưng chưa nhận hỗ trợ).

Nhu cầu hỗ trợ hộ sắp xếp, ổn định dân cư: Tổng hợp nhu cầu và nguồn vốn hỗ trợ là **14.922,0** cụ thể như sau:

+Hỗ trợ trực tiếp cho hộ dân từ NSNN:	14.736,0	triệu đồng
- Đối với hộ miền núi: 90 hộ x 70 triệu đồng:	6.300,0	triệu đồng
- Đối với hộ đồng bằng: 120 hộ x 60 triệu đồng:	7.200,0	triệu đồng
- Ổn định tại chỗ: 30 hộ x 20 triệu đồng:	600,0	triệu đồng
- Đối với hộ di dân ra Đảo: 15 hộ x 42,4 triệu đồng:	636,0	triệu đồng
+ Chi phí quản lý:	186,0	triệu đồng
- Đối với hộ miền núi: 90 hộ x 800.000 đồng:	72,0	triệu đồng
- Đối với hộ đồng bằng: 120 x 600.000 đồng:	72,0	triệu đồng
- Ổn định tại chỗ: 30 hộ x 600.000 triệu đồng:	18	triệu đồng
- Đối với hộ di dân ra Đảo: 15 hộ x 1.600.000 đồng:	24,0	triệu đồng

(Chi tiết có Phụ lục VI, VII đính kèm)

## V. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện), nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác.

Tổng kinh phí hỗ trợ trực tiếp thực hiện giai đoạn 2022-2025: Dự kiến khoảng **14.922 triệu đồng**, trong đó:

1. Ngân sách cấp tỉnh: 10.629 triệu đồng;
2. Ngân sách huyện: 4.293 triệu đồng.

## VI. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KINH TẾ- XÃ HỘI

**1. Về xã hội:** Đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản, góp phần từng bước nâng cao thu nhập, giảm nghèo, tạo sinh kế bền vững, an sinh xã hội, ổn định đời sống lâu dài cho người dân khu vực nông thôn, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã và củng cố quốc phòng, an ninh.

**2. Về kinh tế:** Bố trí dân cư là hoạt động đầu tư phát triển nông thôn, mang tính chất phi lợi nhuận. Người dân có nơi ăn chốn ở, có đất sản xuất, góp phần từng

bước nâng cao thu nhập, đặc biệt là đối với người dân nghèo, điều kiện khó khăn, giúp họ thoát nghèo. Nhà nước giảm đi một khoản kinh phí lớn để hỗ trợ hàng năm... góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

**3. Về môi trường:** Bố trí dân cư góp phần ổn định dân di cư tự do, hạn chế chặt, phá rừng; đồng thời xây dựng các công trình hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, sinh hoạt; hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung, đảm bảo nước hợp vệ sinh để cung cấp cho người dân trong khu tái định cư; xử lý rác thải, chất thải trong các khu dân cư sẽ góp phần bảo vệ môi trường...; người dân tại các điểm dân cư thực hiện nếp sống văn minh, chung tay cùng cộng đồng bảo vệ môi trường khu dân cư.

**4. Về chính trị:** Thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với đời sống của người dân các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng. Bố trí ổn định dân cư có ý nghĩa về mặt chính trị - vận động nhân dân đến sinh sống vùng biên giới, hải đảo, tham gia vào đời sống cộng đồng các khu dân cư tập trung, giao lưu và cùng chung sống và cùng phát triển sản xuất, ổn định đời sống cộng đồng các dân tộc.

**5. Về quốc phòng, an ninh:** Bố trí dân cư nói chung và bố trí dân cư vùng biên giới, hải đảo nói riêng có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh, tạo thế phòng thủ liên hoàn giữa quân và dân, đồng thời tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới.

## Phần IV

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### 1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh xây dựng các chính sách, giải pháp, mô hình ổn định dân cư, phát triển kinh tế xã hội phù hợp với từng vùng, từng địa phương; phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất UBND tỉnh bố trí kinh phí để hỗ trợ kịp thời cho các hộ dân phải di dời khẩn cấp nhằm đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản và ổn định đời sống của nhân dân đến nơi ở mới theo quy định.

- Hướng dẫn các địa phương trong việc sắp xếp, bố trí ổn định dân cư các vùng có nguy cơ cao về thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng có nguy cơ ảnh hưởng nhằm đảm bảo an toàn tính mạng và ổn định đời sống của nhân dân tại nơi ở mới.

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ ngành Trung ương về kết quả thực hiện bố trí ổn định dân cư trên toàn tỉnh.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương xử lý kịp thời các điểm di dân khẩn cấp hoặc những nơi xảy ra thiên tai nằm ngoài quy hoạch, kế hoạch đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản của người dân.

## **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Căn cứ kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm đề xuất bố trí vốn cho các dự án bố trí ổn định dân cư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình; xây dựng, điều chỉnh bổ sung các nội dung Chương trình phù hợp với quy định của pháp luật; kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.

## **3. Sở Tài chính**

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, căn cứ nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện chương trình, khả năng cân đối của ngân sách địa phương, lồng ghép kinh phí các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình dự án khác, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thuộc nhiệm vụ chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách hiện hành để thực hiện Chương trình theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.

## **4. Sở Công Thương**

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, ngành có liên quan tiếp tục rà soát quy hoạch, tăng cường các biện pháp quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác di dân tái định cư các dự án đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững về kinh tế - xã hội - môi trường với ổn định đời sống, sinh kế lâu dài cho nhân dân.

## **5. Sở Tài nguyên và Môi trường**

- Hướng dẫn quy trình thu hồi đất, đền bù, giải phóng mặt bằng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm đất ở, đất sản xuất từ nơi đi và nơi đến cho người dân thuộc đối tượng tái định cư, sắp xếp bố trí dân cư đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ không để phát sinh khiếu nại, khiếu kiện gây bức xúc trong dư luận;

- Chú trọng công tác nghiên cứu báo cáo tác động môi trường trước, trong, sau khi thi công xây dựng các dự án bố trí dân cư;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập kế hoạch sử dụng đất, rà soát điều chỉnh quỹ đất hàng năm, 05 năm cấp huyện để bố trí đất ở, đất sản xuất cho các hộ dân.

## **6. Ban Dân tộc tỉnh**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan và đơn vị có liên quan tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn UBND các huyện: Hướng Hóa, Đakrông, Gio Linh, Vĩnh Linh, Cam Lộ thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình; hàng năm, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo kết quả thực hiện Dự án 2 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ để tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

### **7. Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh**

- Chủ trì phối hợp với các lực lượng duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới; tham mưu, đề xuất và phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương trong thực hiện các chương trình, dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư, xây dựng cụm kinh tế Biên phòng, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở khu vực biên giới gắn với các đồn Biên phòng, xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội gắn với xây dựng, củng cố quốc phòng, an ninh khu vực biên giới;

- Phối hợp, tham gia hoạt động quản lý các dự án trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn, ngăn chặn hoạt động phá rừng trên biên giới đất liền, hải đảo, ven biển; đề xuất điều chỉnh, di dời dân cư ra khỏi các vùng có nguy cơ cao về thiên tai, giúp người dân khắc phục hậu quả, ổn định đời sống.

### **8. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh**

Chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện giúp đỡ đồng bào sản xuất, ổn định đời sống, củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh trên các địa bàn biên giới;

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, địa phương có liên quan thực hiện các dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư tại Khu kinh tế quốc phòng.

### **9. Công an tỉnh**

Tăng cường chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương làm tốt công tác quản lý về cư trú, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở vùng triển khai dự án; chủ động nắm tình hình, kịp thời phát hiện những bất cập, thiếu sót trong quá trình thực hiện các chủ trương, chính sách đối với các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng để tham mưu UBND tỉnh có biện pháp khắc phục.

### **10. Đoàn Kinh tế Quốc phòng 337**

Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, đơn vị và địa phương thực hiện các dự án bố trí dân cư: xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội trong vùng dự án Khu Kinh tế - Quốc Phòng Khe Sanh, khai thác tiềm năng đất đai để phát triển sản xuất, trồng rừng và bảo vệ rừng, góp phần cho các xã biên giới có kinh tế, văn hóa xã hội phát triển. Bảo vệ môi trường, trên cơ sở đời sống được nâng cao. Hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**11. Các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Khoa học và Công Nghệ và cơ quan đơn vị có liên quan** căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, có kế hoạch chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện Chương trình bố trí dân cư.

### **12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh**

Chỉ đạo các tổ chức thành viên phối hợp các Sở ngành, địa phương thực hiện công tác giám sát và vận động các đoàn viên, hội viên, người dân trong việc tuân thủ pháp luật, phát triển sản xuất, nâng cao đời sống, giảm nghèo, thực hiện tốt chương trình bố trí dân cư vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng.

### **13. Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh**

Tuyên truyền, phối hợp với các Sở, ngành và UBND các huyện liên quan vận động, thẩm định các đối tượng hộ gia đình, cá nhân (thanh niên) có nguyện vọng ra sinh sống lâu dài trên đảo, lập danh sách các hộ dân báo cáo UBND tỉnh xem xét phê duyệt.

Tập trung chỉ đạo, củng cố, kiện toàn lực lượng thanh niên xung phong hiện có trên đảo và thanh niên xung phong chuẩn bị ra đảo.

### **14. UBND các huyện, thị xã, thành phố**

- Tổ chức rà soát quy hoạch di dân, tái định cư thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn theo quy định của Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan, đảm bảo yêu cầu về đất ở, đất sản xuất, nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt, các công trình hạ tầng, phù hợp với phong tục tập quán của người dân từng địa phương, nhất là người đồng bào dân tộc thiểu số;

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị đồng quân trên địa bàn tăng cường công tác tuyên truyền vận động, hướng dẫn không để người dân tự ý di cư tự do;

- Tăng cường công tác quản lý quy hoạch, dân cư, đầu tư xây dựng; tổ chức thực hiện việc thu hồi, giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ tái định cư theo đúng quy định; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm; phát huy dân chủ, công khai, minh bạch; nâng cao năng lực của chính quyền cơ sở và cán bộ trực tiếp làm công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giảm nghèo tại địa phương;

- Tổng hợp, định kỳ báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

## **Phần V**

### **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

#### **I. KẾT LUẬN**

Bố trí, ổn định dân cư là nhiệm vụ chính trị của toàn Đảng, toàn dân, không chỉ là nhiệm vụ của từng địa phương có liên quan mà là nhiệm vụ chung của

toàn xã hội phải tham gia đóng góp nhằm góp phần hạn chế, né tránh những thiệt hại do thiên tai gây ra, đảm bảo điều kiện để người dân tái định cư sớm ổn định được chỗ ở, cuộc sống, sản xuất, trên cơ sở khai thác tiềm năng về tài nguyên và sức lao động, từng bước chuyển đổi cơ cấu kinh tế, phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, có cuộc sống vật chất và văn hoá tốt hơn và ổn định lâu dài, góp phần phát triển kinh tế - xã hội trong vùng nói riêng và trên cả nước nói chung theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, giữ vững ổn định chính trị.

Việc ban hành định mức hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân vùng thiên tai, biên giới, hải đảo, di cư tự do, rừng đặc dụng... phù hợp với tình hình thực tế, né tránh, khắc phục hậu quả thiên tai và tạo điều kiện cho người dân sớm ổn định cuộc sống với phương châm “*nơi ở mới phải an toàn, bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ*”.

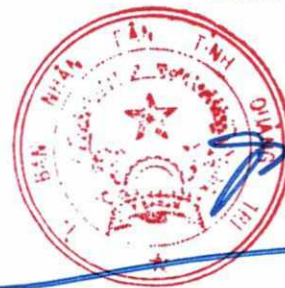
## II. KIẾN NGHỊ

Kính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết “*Quy định chính sách hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân thuộc Chương trình bố trí, ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2025*”./*vlw*

### Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, PCVP Nguyễn Cửu;
- Lưu: VT, KT (Th). *vlw*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Võ Văn Hưng**



**PHỤ LỤC I**  
**TỔNG SỐ HỘ THỰC HIỆN BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ**  
**GIAI ĐOẠN 2017- 2021**

(Kèm theo Đề án số: **16** /ĐA-UBND ngày **10/3** /2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

<b>Điểm</b>	<b>Số hộ</b>	<b>Hình thức</b>	<b>Đối tượng</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>Tổng số</b>	<b>384</b>			
<b>* Di dân thường xuyên</b>	<b>291</b>			
<b>1. Huyện Triệu Phong</b>				
- Triệu Ái	62	Xen ghép	Thiên tai	
<b>2. Huyện Hải Lăng</b>				
- Hải Lâm	12	Xen ghép	Thiên tai	
- Hải Thiện	17	Xen ghép	Thiên tai	
<b>3. Huyện Gio Linh</b>				
- Gio Mỹ	10	Xen ghép	Thiên tai	
<b>4. Huyện Cam Lộ</b>				
- Cam Nghĩa	7	Xen ghép	Thiên tai	
- Cam Thành	34	Xen ghép	Thiên tai	
<b>5. Huyện Hướng Hóa</b>				
- Đoàn KTQP 337	34	Xen ghép	Biên giới	
- Ba Tầng	10	Tập trung	Biên giới	
- Tân Thành	22	Xen ghép	Biên giới	
- Hướng Việt	35	Tập trung	Thiên tai	
<b>6. Huyện Vĩnh Linh</b>				
- Vĩnh Thái	12	Xen ghép	Thiên tai	
<b>7. Huyện ĐaKrong</b>				
- Ba Lòng	24	Tập trung	Thiên tai	
<b>8. Thị xã Quảng Trị</b>				
- Hải Lệ	2	Tập trung	Thiên tai	
<b>9. Huyện Đảo Cồn Cỏ</b>	10	Tập trung	Hải Đảo	
<b>* Di dân khẩn cấp</b>	<b>93</b>			
- Hướng Sơn	45	Xen ghép	Thiên tai	
- Hướng Lập	29	Xen ghép	Thiên tai	
- Xã Húc	19	Xen ghép	Thiên tai	

\* Phân theo đối tượng: Thiên tai: 308hộ; biên giới: 66 hộ; Hải Đảo: 10hộ

\* Phân theo hình thức: Xen ghép: 303 hộ; tập trung: 81 hộ



**PHỤ LỤC II**  
**TỔNG HỢP CÁC CÔNG TRÌNH HỖ TRỢ CỘNG ĐỒNG**  
**THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2017-2021**

(Kèm theo Đề án số: 16 /ĐA-UBND ngày 10 /3 /2022 của UBND tỉnh Quảng Trị)

TT	Tên công trình	Khối lượng	Đơn vị	Địa điểm
1	Đường di dân xen ghép thôn An Mỹ, xã Gio Mỹ	765,83	m	Thôn An Mỹ, xã Gio Mỹ, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị
2	Đường di dân xen ghép thôn Hà Xá, xã Triệu Ái	764,41	m	Thôn Hà Xá, xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị
3	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tân Phước, xã Hải Lâm	210,6	M <sup>2</sup>	Thôn Tân Phước, xã Hải Lâm, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị
4	Hệ thống cấp nước xã Cam Thành	3.666	m	Xã Cam Thành, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị
5	Hệ thống cấp nước thôn Hà Xá, xã Triệu Ái	2.872	m	Thôn Hà Xá, xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị
6	Đường di dân xen ghép thôn 5, xã Hải Thiện	200,94	m	Thôn 5, xã Hải Thiện, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị



**PHỤ LỤC III**  
**TỔNG NGUỒN VỐN BỐ TRÍ, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ GIAI ĐOẠN 2017-2020**  
(Kèm theo Đề án số 16 /ĐA-UBND ngày 10/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục	Vốn bố trí giai đoạn 2017-2021			Ghi chú
		Tổng nguồn vốn	Trung ương	Địa phương	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>113.416</b>	<b>40.416</b>		
<b>I</b>	<b>Vốn Đầu tư phát triển</b>	<b>100.416</b>	<b>27.416</b>		
1	Dự án Di dân khẩn cấp ra khỏi vùng ngập lụt và sạt lở bờ sông Thạch Hãn, xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị	27.416	27.416		
2	Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư, di dân khẩn cấp ổn định định canh định cư ra khỏi vùng lũ ống, lũ quét và sạt lở xã Tà Rụt huyện Đakrông	53.000	53.000		
3	Dự án bố trí sắp xếp và ổn định dân cư vùng biên giới Việt – Lào xã Ba Tầng, huyện Hướng Hoá	20.000	20.000		
<b>II</b>	<b>Vốn sự nghiệp</b>	<b>13.000</b>	<b>13.000</b>		
1	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế, phòng chống giảm nhẹ thiên tai và ổn định đời sống dân cư	13.000	13.000		

**PHỤ LỤC IV**  
**NHU CẦU BỐ TRÍ SẮP XẾP DÂN CƯ GIAI ĐOẠN 2022-2025**  
 (Kèm theo Đề án số: **16** /ĐA-UBND ngày **10/3** /2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Danh mục	Kế hoạch bố trí dân cư năm 2022-2025									Ghi chú
		Số hộ	Số khẩu	Hình thức bố trí			Đối tượng bố trí				
				Tập trung	Xen ghép	Ổn định tại chỗ	Thiên tai	Đặc biệt khó khăn	Biên giới	Hải đảo	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.279</b>	<b>4.797</b>	<b>464</b>	<b>708</b>	<b>107</b>	<b>1.258</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>21</b>	
<b>I</b>	<b>Huyện Hướng Hóa</b>	<b>74</b>	<b>309</b>	<b>67</b>	<b>7</b>	<b>-</b>	<b>74</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
1	Xã Tân Long	20	91	13	7		20				
2	Thị trấn Lao Bảo	54	218	54			54				
<b>II</b>	<b>Huyện Cam Lộ</b>	<b>58</b>	<b>253</b>	<b>-</b>	<b>58</b>	<b>-</b>	<b>58</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
1	Xã Cam Thành	58	253		58		58				
<b>III</b>	<b>Thị xã Quảng Trị</b>	<b>40</b>	<b>160</b>	<b>40</b>			<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
1	Xã Hải Lệ	40	160	40			40				
<b>IV</b>	<b>Huyện Hải Lăng</b>	<b>340</b>	<b>1.360</b>	<b>-</b>	<b>289</b>	<b>51</b>	<b>340</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
1	Xã Hải Định	30	120		30		30				
2	Thị trấn Diên Sanh	50	200		50		50				
3	Xã Hải Ba	28	112		28		28				
4	Xã Hải Dương	60	240		60		60				
5	Xã Hải Lâm	137	548		86	51	137				
6	Xã Hải Quy	35	140		35		35				
<b>V</b>	<b>Huyện Đảo Côn Cỏ</b>	<b>21</b>	<b>85</b>	<b>12</b>	<b>9</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>21</b>	

STT	Danh mục	Kế hoạch bố trí dân cư năm 2022-2025									Ghi chú
		Số hộ	Số khẩu	Hình thức bố trí			Đối tượng bố trí				
				Tập trung	Xen ghép	Ổn định tại chỗ	Thiên tai	Đặc biệt khó khăn	Biên giới	Hải đảo	
1	Đảo Côn Cỏ	21	85	12	9					21	
<b>VI</b>	<b>Huyện Triệu Phong</b>	<b>633</b>	<b>2.197</b>	<b>345</b>	<b>253</b>	<b>35</b>	<b>633</b>	-	-	-	
1	Xã Triệu Hòa	118	472	50	68		118				
2	Xã Triệu Ái	100	400		85	15	100				
3	Xã Triệu Thượng	335	1.005	255	80		335				
4	Xã Triệu Giang	80	320	40	20	20	80				
<b>VII</b>	<b>Huyện Vĩnh Linh</b>	<b>42</b>	<b>149</b>	-	<b>21</b>	<b>21</b>	<b>42</b>	-	-	-	
1	Thị trấn Hồ Xá	21	58			21	21				
2	Xã Vĩnh Thái	21	91		21		21				
<b>VIII</b>	<b>Huyện Gio Linh</b>	<b>71</b>	<b>284</b>	-	<b>71</b>	-	<b>71</b>	-	-	-	
1	Xã Gio Mỹ	31	124		31		31				
2	Xã Gio Hải	40	160		40		40				



**PHỤ LỤC V**  
**BẢNG ĐỀ XUẤT MỨC HỖ TRỢ GIAI ĐOẠN 2022-2025**  
(Kèm theo Đề án số: **16** /ĐA-UBND ngày **10** /**3** /2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: Triệu đồng

Đối tượng	Hỗ trợ trực tiếp (1)			Chi phí quản lý (2)			Tổng cộng (1+2)	
	Tỉnh	huyện	Mức hỗ trợ/hộ từ NS địa phương	Cộng	Tỉnh	huyện xã	Tỉnh	Huyện
Di dân miền núi	50	20	<b>70</b>	<b>0,8</b>	0,4	0,4	50,4	20,4
Di dân đồng bằng	40	20	<b>60</b>	<b>0,6</b>	0,3	0,3	40,3	20,4
Ổn định tại chỗ	20	-	<b>20</b>	<b>0,6</b>	0,3	0,3	20,3	0,3
Di dân ra Đảo Cồn cỏ	42,4	-	<b>42,4</b>	<b>1,6</b>	0,8	0,8	43,2	0,8

\* Ghi chú: Tính cho 01 hộ (làm tròn)



## PHỤ LỤC VI

### BẢNG DỰ KIẾN KINH PHÍ HỖ TRỢ BÌNH QUÂN/NĂM

(Kèm theo Đề án số: 16 /ĐA-UBND ngày 10/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: Triệu đồng

Đối tượng	Bình quân số hộ/năm	Ngân sách hỗ trợ trực tiếp (1)			Chi phí quản lý (2)			Tổng kinh phí (1+2)/năm		
		Tổng	Tỉnh	Huyện	Tổng	Tỉnh	Huyện	Tổng	Tỉnh	Huyện
Di dân vùng núi	30	2.100,0	1.500,0	600,0	24,0	12,0	12,0	2.124,0	1.512,0	612,0
Di dân vùng đồng bằng	40	2.400,0	1.600,0	800,0	24,0	12,0	12,0	2.424,0	1.612,0	812,0
Ổn định tại chỗ	10	200,0	200,0	-	6,0	3,0	3,0	206,0	203,0	3,0
Đảo Cồn cỏ	5	212,0	212,0	-	8,0	4,0	4,0	220,0	216,0	4,0
<b>Tổng</b>	<b>85</b>	<b>4.912,0</b>	<b>3.512,0</b>	<b>1.400,0</b>	<b>62,00</b>	<b>31,00</b>	<b>31,00</b>	<b>4.974,0</b>	<b>3.543,0</b>	<b>1.431,00</b>



**PHỤ LỤC VII**  
**BẢNG TỔNG HỢP DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2022-2025**  
(Kèm theo Đề án số: 16 /ĐA-UBND ngày 10/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: Triệu đồng

Đối tượng	Số hộ	Ngân sách hỗ trợ trực tiếp (1)			Chi phí quản lý (2)			Tổng kinh phí giai đoạn 2022-2025 (1+2)		
		Tổng	Tỉnh	Huyện	Tổng	Tỉnh	Huyện Xã	Tổng	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện
Di dân miền núi	90	6.300,0	4.500,0	1.800,0	72,0	36,0	36,0	6.372,0	4.536,0	1.836,0
Di dân đồng bằng	120	7.200,0	4.800,0	2.400,0	72,0	36,0	36,0	7.272,0	4.836,0	2.436,0
Ổn định tại chỗ	30	600,0	600,0	-	18,0	9,0	9,0	618,0	609,0	9,0
Di dân ra Đảo Cồn cỏ	15	636,0	636,0	-	24,0	12,0	12,0	660,0	648,0	12,0
<b>Tổng cộng</b>	<b>255</b>	<b>14.736,0</b>	<b>10.536,0</b>	<b>4.200,0</b>	<b>186,0</b>	<b>93,0</b>	<b>93,0</b>	<b>14.922,0</b>	<b>10.629,0</b>	<b>4.293,0</b>